

THÔNG BÁO

Về việc Công khai thực hiện dự toán ngân sách NN quý II năm 2024

Căn cứ các văn bản của Bộ Tài chính (Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017; Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28/9/2018) về hướng dẫn về việc hướng dẫn thực hiện công khai tài chính đối với các đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ Quyết định số 221/QĐ-PGD&ĐT ngày 30/01/2023 của Phòng GD&ĐT Thành phố về việc giao dự toán ngân sách nhà nước năm 2024;

Căn cứ Quyết định số 63/QĐ-PGD&ĐT ngày 25/ 04/2024 của Phòng GD&ĐT về bổ sung dự toán ngân sách nhà nước chi hoạt động chung của ngành giáo dục, chế độ chính sách năm 2024.

Triển khai Kế hoạch số 295/KH-THLTT ngày 01/9/2023 của Trường TH Lý Tự Trọng về thực hiện Công tác công khai năm học 2023-2024, Công khai theo Thông tư 36/2017/TT-BGDĐT, Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017; Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28/9/2018.

Trường TH Lý Tự Trọng Thông báo Công khai tình hình thực hiện dự toán quý 2/2024: dự toán đã sử dụng, dự toán còn lại và Công khai Bảng đối chiếu dự toán kinh phí ngân sách nhà nước bằng hình thức rút dự toán tại kho bạc nhà nước quý 2 năm 2024 cụ thể như sau:

1. Công khai số liệu dự toán NSNN năm 2024(*dự toán năm 2023 chuyển sang và giao đầu năm 2024*) : 8.123.498.537đồng, Dự toán bổ sung, điều chỉnh trong quý 2 năm 2024: 139.000.000đ(*Nguồn dự toán KP không tự chủ chi hoạt động chung*). Dự toán đã sử dụng trong quý 2/2024: 1.763.552.296đ Dự toán hết quý 2 năm 2024: 3.212.570.567đ. Dự toán còn lại năm 2024: 5.049.927.970đ.

2. Niêm yết công khai Thông báo số 64/TB-THLTT, Biểu số 3 công khai thực hiện dự toán thu - chi ngân sách quý 2 năm 2024. Bảng đối chiếu dự toán kinh phí ngân sách bằng hình thức rút dự toán tại KBNN quý 2 năm 2024 (Mẫu số 20a), Bảng đối chiếu tình hình sử dụng kinh phí ngân sách nhà nước bằng hình thức rút dự toán tại KBNN quý 2 năm 2024 (Mẫu số 20c); tại Bảng công khai, (*phía bên trái hướng từ cổng vào*), trên trang Web <https://thlytutrongmongcai.edu.vn>, thời gian ít nhất 60 ngày kể từ ngày niêm yết công khai.

3. Giao thành viên trong Ban chỉ đạo thực hiện Quy chế công khai (*Theo QĐ số 109/QĐ-THLTT ngày 03/9/2023 của trường TH Lý Tự Trọng*) thực hiện niêm yết nội dung công khai theo Thông báo này này từ ngày 09/07/2024 đồng thời theo dõi, giám sát văn bản này tại nơi niêm yết (*nếu bị mất, rách, nát phải thay thế, khi thay thế phải đủ các thành phần*).

Trên đây là thông báo công khai tình hình thực hiện dự toán quý 2 năm 2024. Trường tiểu học Lý Tự Trọng yêu cầu phụ trách các bộ phận, các Tổ Chuyên môn, Văn phòng, Ban TTND, Ban chỉ đạo quy chế công khai, người lao động theo chức năng, nhiệm vụ nghiêm túc triển khai thực hiện, BCH Công đoàn phối hợp thực hiện./.

Nơi nhận:

- BCH Công đoàn;
- Ban TTND
- Các Tổ CM, VP;
- Niêm yết công khai; Bảng công khai tại đơn vị, Web <https://thlytutrongmongcai.edu.vn>.
- Lưu: VT, hồ sơ công khai.



Vũ Thị Minh Thủy

BIÊN BẢN

Về việc niêm yết công khai thực hiện dự toán NSNN quý II /2024

I. Thời gian: 08 giờ 00 phút ngày 09/07/2024

II. Địa điểm: Trường Tiểu học Lý Tự Trọng

III. Thành phần: Thành viên trong Ban chỉ đạo thực hiện Quy chế công khai tại thời điểm tháng 04/2024 thuộc năm học 2023-2024 theo Thông tư 36/2017/TT-BGDĐT của nhà trường (Theo QĐ số 109/QĐ-THLTT ngày 03/9/2023 của trường TH Lý Tự Trọng),

Có mặt 5/5 đ/c có tên sau:

- | | | |
|---------------------------|--------------------|--------------|
| 1. Bà: Vũ Thị Minh Thủy | - Hiệu trưởng | - Trưởng ban |
| 2. Bà: Vũ Thị Bình An | - PHT, Chủ tịch CB | - Phó ban TT |
| 3. Bà: Nguyễn Thu Hiền | - Trưởng ban TTND | - Ủy viên |
| 4. Bà: Phạm Thị Hồng Thắm | - NV Hành chính | - Ủy viên |
| 5. Bà: Phạm Thị Mai | - Giáo viên, TKHĐ | - Thư ký |

IV. Nội dung :

1. Thực hiện Niêm yết Công khai 01 bản Thông báo số 64/TB- THLTT ngày 10/4/2024 của Trường TH Lý Tự Trọng, 01 Bản mẫu số 03 Công khai thực hiện dự toán thu chi ngân sách quý I/2024, 01 Bảng đối chiếu dự toán kinh phí ngân sách bằng hình thức rút dự toán tại KBNN(Mẫu số 20a), 01 Bảng đối chiếu tình hình sử dụng kinh phí ngân sách nhà nước bằng hình thức rút dự toán tại KBNN Quý II năm 2024 (Mẫu số 20c).

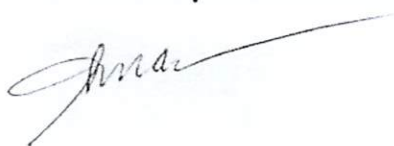
2. Địa điểm công khai: Tại bảng tin công khai của nhà trường.(phía bên trái hướng từ cổng vào); trang Web <https://thlytutrongmongcai.edu.vn>

3. Thời gian niêm yết: ít nhất 60 ngày liên tục tính từ ngày niêm yết.

4. Việc niêm yết được thực hiện liên tục theo đúng thời gian quy định, kết thúc việc niêm yết sẽ lập biên bản. Địa điểm niêm yết đảm bảo an toàn, có phương án hạn chế việc bị rách, nát và đủ điều kiện để đội ngũ đơn vị, phụ huynh học sinh và người dân có thể xem, nắm bắt thông tin. Trong quá trình niêm yết, tập thể cá nhân nào có ý kiến xin gửi về bộ phận văn phòng trường Tiểu học Lý Tự Trọng thành phố Móng Cái để tổng hợp trình lãnh đạo giải quyết theo quy định.

Việc thông báo và niêm yết công khai kết thúc hồi 08 giờ 15 phút cùng ngày./.

NGƯỜI LẬP BIÊN BẢN



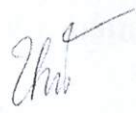
Phạm Thị Mai

TRƯỞNG BAN CHỈ ĐẠO



HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG TH LÝ TỰ TRỌNG
Vũ Thị Minh Thủy

NGƯỜI THAM GIA CÔNG KHAI

Vũ Thị Bình An	
Nguyễn Thu Hiền	
Phạm Thị Hồng Thắm	



Mã chương: 622

Đơn vị: Trường tiểu học Lý Tự Trọng

Mã ĐVQHNS: 1031027

Mã cấp NS: 3

Người ký: Hồ Thị Tú
Ngày ký: 04/07/2024 16:41:42
Chức danh: Trưởng phòng
Đơn vị: KBNN Móng Cái - Quảng
Ninh
Nội dung: Phê duyệt hồ sơ đối
chiếu xác nhận số dư

Mẫu số 20a
Ký hiệu: 01a-SDKP/ĐVDT

BẢNG ĐỐI CHIẾU DỰ TOÁN KINH PHÍ NGÂN SÁCH BẰNG HÌNH THỨC RÚT DỰ TOÁN TẠI KHO BẠC NHÀ NƯỚC
Quý 2 /Năm 2024

Mã nguồn NSNN	Mã ngành kinh tế	Mã CTMT, DA	DT năm trước chuyển sang	Dự toán giao đầu năm	DT năm nay		DT được sử dụng trong năm	DT đã sử dụng		DT đã Cam kết chi		DT giữ lại	DT còn lại
					Trong kỳ	Lũy kế đến kỳ báo cáo		Trong kỳ	Số dư đến kỳ báo cáo	Trong kỳ	Số dư đến kỳ báo cáo		
A	B	C	1	2	3	4	5=1+4	6	7	8	9	10	11=5-7-9
12	072	00000	0	80.000.000	139.000.000	219.000.000	219.000.000	0	0	0	0	0	219.000.000
13	072	00000	0	8.009.000.000	0	8.009.000.000	8.009.000.000	1.763.551.296	3.212.570.567	0	0	0	4.796.429.433
14	072	00000	34.498.537	0	0	0	34.498.537	0	0	0	0	0	34.498.537
Cộng:			34.498.537	8.089.000.000	139.000.000	8.228.000.000	8.262.498.537	1.763.551.296	3.212.570.567	0	0	0	5.049.927.970
Phần KBNN ghi:													

Ghi chú: KBNN chỉ ghi vào "Phần KBNN ghi" trong trường hợp có chênh lệch số liệu giữa đơn vị và KBNN và ghi cụ thể các thông tin về số liệu bị chênh lệch.

Ghi chú của KBNN:

KHO BẠC NHÀ NƯỚC

Ngày 4 tháng 7 năm 2024

Kế toán

Kế toán trưởng

(Ký tên, đóng dấu)

Đinh Đức Thiện

Người ký: Hồ Thị Tú
Ngày ký: 04/07/2024 16:41:42
Chức danh: Trưởng phòng
Đơn vị: KBNN Móng Cái - Quảng Ninh

ĐƠN VỊ SỬ DỤNG NGÂN SÁCH

Ngày 4 tháng 7 năm 2024

Kế toán trưởng

Thủ trưởng đơn vị

(Ký tên, đóng dấu)

Người ký: Phạm Thị Thủy
Ngày ký: 03/07/2024 16:46:59
Đơn vị: Trường tiểu học Lý Tự Trọng

Người ký: Vũ Thị Minh Thủy
Ngày ký: 04/07/2024 12:58:24
Đơn vị: Trường tiểu học Lý Tự Trọng

Hồ Thị Tú

Phạm Thị Thùy

Vũ Thị Minh Thủy



Người ký: Hồ Thị Tú
Ngày ký: 04/07/2024 16:41:42
Chức danh: Trưởng phòng
Đơn vị: KBNN Móng Cái - Quảng
Ninh
Nội dung: Phê duyệt hồ sơ đối
chiếu xác nhận số dư

Mã chương: 622

Đơn vị: Trường tiểu học Lý Tự Trọng

Mã ĐVQHNS: 1031027

Mã cấp NS: 3

Mẫu số 20c

Ký hiệu: 02a-SDKP/ĐVDT

BẢNG ĐỐI CHIẾU TÌNH HÌNH SỬ DỤNG KINH PHÍ NGÂN SÁCH BẰNG HÌNH THỨC RÚT DỰ TOÁN TẠI KHO BẠC NHÀ NƯỚC
Quý 2 /Năm 2024

Nội dung	Mục lục NSNN				Tạm ứng		Thực chi		Tổng	
	Mã nguồn NSNN	Mã ngành kinh tế	Mã NDKT	Mã CTMT, DA	Phát sinh trong kỳ	Số dư đến kỳ báo cáo	Phát sinh trong kỳ	Số dư đến kỳ báo cáo	Phát sinh trong kỳ	Số dư đến kỳ báo cáo
A	B	C	D	E	1	2	3	4	5=1+3	6=2+4
Lương theo ngạch, bậc	13	072	6001	00000	0	0	795.766.985	1.568.950.018	795.766.985	1.568.950.018
Tiền công trả cho vị trí lao động thường xuyên theo hợp đồng	13	072	6051	00000	0	0	29.098.800	58.197.600	29.098.800	58.197.600
Phụ cấp chức vụ	13	072	6101	00000	0	0	16.740.000	33.480.000	16.740.000	33.480.000
Phụ cấp ưu đãi nghề	13	072	6112	00000	0	0	273.520.800	550.349.100	273.520.800	550.349.100
Phụ cấp trách nhiệm theo nghề, theo công việc	13	072	6113	00000	0	0	2.160.000	4.320.000	2.160.000	4.320.000
Phụ cấp thâm niên vượt khung, phụ cấp thâm niên nghề	13	072	6115	00000	0	0	115.964.460	234.587.880	115.964.460	234.587.880
Bảo hiểm xã hội	13	072	6301	00000	0	0	167.158.332	329.669.311	167.158.332	329.669.311
Bảo hiểm y tế	13	072	6302	00000	0	0	28.655.715	62.712.209	28.655.715	62.712.209
Kinh phí công đoàn	13	072	6303	00000	0	0	19.103.808	37.890.531	19.103.808	37.890.531
Bảo hiểm thất nghiệp	13	072	6304	00000	0	0	9.551.904	12.640.776	9.551.904	12.640.776
Chi khác	13	072	6449	00000	0	0	18.894.000	24.726.000	18.894.000	24.726.000
Tiền điện	13	072	6501	00000	0	0	11.086.738	11.086.738	11.086.738	11.086.738
Tiền nước	13	072	6502	00000	0	0	2.802.360	6.849.010	2.802.360	6.849.010
Tiền vệ sinh, môi trường	13	072	6504	00000	0	0	7.800.000	7.800.000	7.800.000	7.800.000
Chi khác	13	072	6549	00000	0	0	9.675.000	9.675.000	9.675.000	9.675.000
Khoản văn phòng phẩm	13	072	6553	00000	0	0	11.100.000	11.100.000	11.100.000	11.100.000

Vật tư văn phòng khác	13	072	6599	00000	0	0	25.210.000	25.210.000	25.210.000	25.210.000
Cước phí điện thoại (không bao gồm khoản điện thoại), thuê bao đường điện thoại, fax	13	072	6601	00000	0	0	68.864	112.864	68.864	112.864
Thuê bao kênh vệ tinh, thuê bao cáp truyền hình, cước phí Internet, thuê đường truyền mạng	13	072	6605	00000	0	0	6.030.000	10.050.000	6.030.000	10.050.000
Tiền vé máy bay, tàu, xe	13	072	6701	00000	0	0	2.360.000	2.360.000	2.360.000	2.360.000
Phụ cấp công tác phí	13	072	6702	00000	0	0	4.000.000	4.000.000	4.000.000	4.000.000
Tiền thuê phòng ngủ	13	072	6703	00000	0	0	4.350.000	4.350.000	4.350.000	4.350.000
Thuê lao động trong nước	13	072	6757	00000	0	0	116.480.000	116.480.000	116.480.000	116.480.000
Chi phí thuê mướn khác	13	072	6799	00000	0	0	4.400.000	4.400.000	4.400.000	4.400.000
Nhà cửa	13	072	6907	00000	0	0	40.435.000	40.435.000	40.435.000	40.435.000
Đường điện, cấp thoát nước	13	072	6921	00000	0	0	918.000	918.000	918.000	918.000
Chi khác	13	072	7049	00000	0	0	7.650.000	7.650.000	7.650.000	7.650.000
Chi các khoản khác	13	072	7799	00000	0	0	32.570.530	32.570.530	32.570.530	32.570.530
Cộng:					0	0	1.763.551.296	3.212.570.567	1.763.551.296	3.212.570.567
Phần KBNN ghi:										

Ghi chú: KBNN chỉ ghi vào "Phần KBNN ghi" trong trường hợp có chênh lệch số liệu giữa đơn vị và KBNN và ghi cụ thể các thông tin về số liệu bị chênh lệch.

Ghi chú của KBNN:

KHO BẠC NHÀ NƯỚC

Ngày 4 tháng 7 năm 2024

Kế toán

Kế toán trưởng

(Ký tên, đóng dấu)

ĐƠN VỊ SỬ DỤNG NGÂN SÁCH

Ngày 4 tháng 7 năm 2024

Kế toán trưởng

Thủ trưởng đơn vị

(Ký tên, đóng dấu)

Đinh Đức Thiện

Người ký: Hồ Thị Tú
Ngày ký: 04/07/2024 16:41:42
Chức danh: Trưởng phòng
Đơn vị: KBNN Móng Cái - Quảng Ninh

Hồ Thị Tú

Người ký: Phạm Thị Thùy
Ngày ký: 03/07/2024 16:46:59
Đơn vị: Trường tiểu học Lý Tự Trọng

Phạm Thị Thùy

Người ký: Vũ Thị Minh Thùy
Ngày ký: 04/07/2024 12:58:24
Đơn vị: Trường tiểu học Lý Tự Trọng

Vũ Thị Minh Thùy

Đơn vị: Trường Tiểu học Lý Tự Trọng

Chương: 622

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày tháng năm

CÔNG KHAI THỰC HIỆN DỰ TOÁN THU-CHI NGÂN SÁCH**Quý II năm 2024**

(Dùng cho đơn vị dự toán cấp trên và đơn vị dự toán sử dụng ngân sách nhà nước)

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28 tháng 9 năm 2018 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn về công khai ngân sách đối với các đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ sau:

Đơn vị tính: Đồng

STT	Nội dung	Dự toán năm	Ước thực hiện quý/6 tháng/năm	Ước thực hiện/Dự toán năm (tỷ lệ %)	Ước thực hiện quý (6 tháng, năm) này so với cùng kỳ năm trước (tỷ lệ %)
1	2	3	4	5	6
A	Tổng số thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí				
I	Số thu phí, lệ phí				
1	Lệ phí				
2	Phí				
II	Chi từ nguồn thu phí được để lại				
1	Chi sự nghiệp				
a	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				
b	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
2	Chi quản lý hành chính				
a	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ				
b	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ				
III	Số phí, lệ phí nộp ngân sách nhà nước				
1	Lệ phí				
2	Phí				
B	Dự toán chi ngân sách nhà nước		1.763.551.296		
I	Nguồn ngân sách trong nước		1.763.551.296		
1	Chi quản lý hành chính				
1.1	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ				
1.2	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ				
2	Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ				
2.1	Kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học công nghệ				
	- Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp quốc gia				
	- Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp Bộ				
	- Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp cơ sở				
2.2	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên theo chức năng				
2.3	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
3	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề		1.763.551.296		

STT	Nội dung	Dự toán năm	Ước thực hiện quý/6 tháng/năm	Ước thực hiện/Dự toán năm (tỷ lệ %)	Ước thực hiện quý (6 tháng, năm) này so với cùng kỳ năm trước (tỷ lệ %)
1	2	3	4	5	6
3.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên		1.763.551.296		
3.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
4	Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình				
4.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				
4.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
5	Chi bảo đảm xã hội				
5.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				
5.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
6	Chi hoạt động kinh tế				
6.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				
6.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
7	Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường				
7.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				
7.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
8	Chi sự nghiệp văn hóa thông tin				
8.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				
8.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
9	Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình, thông tấn				
9.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				
9.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
10	Chi sự nghiệp thể dục thể thao				
10.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				
10.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
II	Nguồn vốn viện trợ				
1	Chi quản lý hành chính				
2	Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ				
3	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề				
4	Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình				
5	Chi bảo đảm xã hội				
6	Chi hoạt động kinh tế				
7	Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường				
8	Chi sự nghiệp văn hóa thông tin				
9	Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình, thông tấn				
10	Chi sự nghiệp thể dục thể thao				
III	Nguồn vay nợ nước ngoài				
1	Chi quản lý hành chính				
2	Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ				
3	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề				
4	Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình				
5	Chi bảo đảm xã hội				

STT	Nội dung	Dự toán năm	Ước thực hiện quý/6 tháng/năm	Ước thực hiện/Dự toán năm (tỷ lệ %)	Ước thực hiện quý (6 tháng, năm) này so với cùng kỳ năm trước (tỷ lệ %)
1	2	3	4	5	6
6	Chi hoạt động kinh tế				
7	Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường				
8	Chi sự nghiệp văn hóa thông tin				
9	Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình, thông tấn				
10	Chi sự nghiệp thể dục thể thao				

Ngày tháng năm

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ

(Chữ ký, dấu)



Vũ Thị Minh Thủy